**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

***SERVICES CONTRACT***

Số: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_/ *No: \_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Hôm nay, ngày \_\_ tháng \_\_ năm 20\_\_\_, chúng tôi gồm:

*Today, date\_\_\_month\_\_\_ year 20\_\_\_, we include:*

**Bên sử dụng Dịch Vụ:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***The Services User****: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

Số CMND/Hộ chiếu: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Ngày cấp: \_\_/\_\_\_/\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*ID/Passport No*.:\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *Date of issue: \_\_/\_\_/\_\_\_ Place of issue:\_\_\_\_\_\_\_*

Địa chỉ thường trú/ *Residential address:* \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Điện thoại/*Phone:* \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ Email: \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(Sau đây gọi tắt là “Khách Hàng”)/ (Hereinafter referred to as the“Client”)*

**VÀ/*AND***

**Bên cung cấp Dịch Vụ: CÔNG TY..........................................................................**

***The Services Provider:…………………………………………………COMPANY***

Mã số thuế/*Tax Code*:....................................

Đại diện/ *Representative*:..............................Chức vụ/ *Position:*.............../ *Director*

Địa chỉ :....................................................................................................................................................

*Address:…………………………………………………………………………………………………………….*

Điện thoại/*Phone*: ……………………... Email:............................................

*(Sau đây gọi tắt là “..................,”)/* ***(****Hereinafter referred to as “……………”)*

Khách Hàng và ..................... tại đây được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”.

*Client and…………… herein individually referred to as the “Party”and collectively referred to as the “Parties”.*

**CĂN CỨ/ *RECITALS***

1. Khách Hàng là cá nhân có nhu cầu được giới thiệu, hướng dẫn, tư vấn các vấn đề liên quan đến nhập cư Úc;

*Client is individual who wish to be introduced, advised, consulted on matters relating to Australian immigration;*

1. ........................ là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam và có đầy đủ khả năng và kinh nghiệm để cung cấp dịch vụ nhập cư;

*....................... is an enterprise legally operating under Vietnamese law and has full ability and experience to provide immigration Services;*

1. Khách Hàng đồng ý sử dụng dịch vụ và..................... đồng ý cung cấp dịch vụ theo các điều kiện và điều khoản trong Hợp Đồng này (sau đây gọi tắt là “Dịch Vụ”).

*Client agree to use Services and.................... agree to provide Services pursuant to the conditions and terms set forth herein (hereinafter referred to as “Services”).*

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, Các Bên đồng ý ký kết Hợp Đồng Dịch Vụ (Gọi tắt là “Hợp Đồng”) này với các điều khoản như sau:

*After discussing, the Parties agree to sign this Services Contract (hereinafter referred to as “Contract”) under the following terms:*

1. **NỘI DUNG DỊCH VỤ/ *ARTICLE 1. SERVICES CONTENT***
	1. Hình thức cung cấp Dịch Vụ:………………. trực tiếp hoặc thông qua các cá nhân và/hoặc tổ chức hợp tác với ……………..để thực hiện được Dịch Vụ cho Khách Hàng.

Tuy nhiên, ……………..vẫn là Bên chịu trách nhiệm cho việc thực hiện Dịch Vụ của Khách hàng.

*Method of Services Provision: ……………provides Services to Client directly or through individuals/organizations cooperating with……………….*

*However, …………… is the Party responsible for performance of the Services of Client.*

* 1. Phạm vi cung cấp Dịch Vụ: ……………..tư vấn, hỗ trợ, thay mặt Khách Hàng thực hiện các công việc có liên quan đến việc nhập cư của Khách Hàng vào Úc.

*Scope of Services Provision: ……………consults, supports Client and performs tasks relating to Client’s immigration into Australia on behalf of Client.*

* 1. Tiêu chuẩn Dịch Vụ: ……………….cam kết cung cấp Dịch Vụ cho Khách Hàng theo các quy định pháp luật, tiêu chuẩn ngành và quy tắc đạo đức.

*Standard of Services:* *……………commits* to *providing Services to Client in compliance with laws regulation, industry standards and ethical rules.*

* 1. ……………….cam kết luôn đặt lợi ích của Khách Hàng lên trên hết và tuyệt đối bảo mật các thông tin Khách Hàng cung cấp.

*………………commits to putting benefits of the Client first and strictly keeping the information provided by Client condfidential.*

* 1. Phí Dịch Vụ, thời hạn và phương thức thanh toán Phí Dịch Vụ: Theo Điều 3 Phụ lục A Hợp đồng và thỏa thuận khác của Các Bên (nếu có).

*Services Fee, Term and Method of Payment of Services Fee: According to Article 3 of Contract Appendix and other agreements between the Parties (if any).*

**ĐIỀU 2. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA………………**

***ARTICLE 2. RIGHTS AND LIABILITIES OF……………………***

1. Quyền lợi của ………………/*Rights of…………………*
2. Được nhận các khoản tiền theo thỏa thuận của Các Bên;

*Receive amounts of money under agreement between the Parties;*

1. Yêu cầu Khách Hàng cung cấp các thông tin cần thiết một cách trung thực, chính xác;

*Request Client to provide the necessary information honestly and accurately;*

1. Được quyền chấm dứt thực hiện Hợp Đồng theo quy định tại Điều 4 của Hợp Đồng này và pháp luật có liên quan.

*Terminate the performance of this Contract pursuant to regulations of Article 4 of this Contract and related laws.*

1. Trách nhiệm của……………./ *Liabilities of……………*
2. Thực hiện các công việc tại Điều 2 Phụ lục A Hợp đồng và theo thỏa thuận khác của Các Bên;

*Perform tasks according to Article 2 of Appendix A of Contract and other agreement between the Parties;*

1. Nỗ lực cao nhất để hỗ trợ Khách Hàng đạt được mục đích.

*Make the best effort to support Client to achieve his/her goals.*

1. Tư vấn và thực hiện Hợp Đồng đúng tiến độ được quy định tại Hợp Đồng, Phụ lục Hợp Đồng (trừ các trường hợp được miễn trừ theo thỏa thuận) và đảm bảo các hồ sơ, giấy tờ chuẩn bị cho Khách Hàng là hợp lệ theo quy định của pháp luật Úc.

*Consult and execute the Contract on schedule as specified in the Contract, Contract Appendix (except for cases of exemption as agreed) and ensure the documents prepared for the Client are valid in compliance with the laws of Australia.*

1. Đảm bảo cung cấp đúng tiến độ các thông tin, các yêu cầu cần thiết cho Khách hàng cũng như đảm bảo tính trung thực, tuân thủ quy định pháp luật của các thông tin này

*Ensure the timely provision of necessary information and requirements to the Client as well as ensure the truthfulness and compliance with the provisions of law of such information.*

1. Nhanh chóng hợp tác, và phản hồi thông tin cũng như làm theo yêu cầu của Chính phủ Úc.

*Promptly cooperate and respond information, as well as act as guidance of Australian Government.*

1. Bồi thường cho Khách hàng đối với mọi mất mát, thiệt hại mà Khách hàng có thể phải chịu do bất kỳ sự vi phạm nào đối với Hợp Đồng này bởi …………………….

*Compensate Client for any loss, damage that Client may incur as a result of any breach of this Contract by…………………….*

1. Hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng, Phụ lục Hợp Đồng.

*Complete the obligations stipulated in Contract, Appendix of Contract.*

**ĐIỀU 3. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG**

***ARTICLE 3. RIGHTS AND LIABILITES OF CLIENT***

1. Quyền lợi của Khách Hàng/ *Rights of Client*
2. Yêu cầu……………… thực hiện Dịch vụ theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng này;

*Request…………… to perform Services pursuant agreement in this Contract;*

1. Chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Hợp Đồng và pháp luật.

*Terminate Contract according to the regulations in this Contract and laws.*

1. Trách nhiệm của Khách Hàng/ *Liabilites of Client*
2. Đảm bảo điểm số của chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của …………..như sau: Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương IELTS 6.0 hoặc PTE 50;

*Ensure the score of foreign language certificate meets the AUWIN GROUP’s requirement as follows: Foreign language certificate equivalent to IELTS 6.0 or PTE 50;*

1. Đáp ứng điều kiện về bằng cấp: Tối thiểu Bằng tốt nghiệp Đại học/ *Ensure the condition of Degree: At least Bachelor’s degree*
2. Đảm bảo cung cấp đúng và đủ các thông tin ……………..yêu cầu cũng như bảo đảm tính trung thực của các thông tin này;

*Ensure provide accurately and in full the information requested by………………, as well as ensuring the truthfulness of such information;*

1. Nhanh chóng hợp tác và phản hồi thông tin cũng như làm theo hướng dẫn của……………….;

*Promptly cooperate and respond information, as well as act as guidance of …………………...;*

1. Nhanh chóng thông báo cho……………các thông tin liên lạc, thư từ mà các bên liên quan Hợp Đồng gửi cho Khách Hàng (nếu có);

*Promptly informs…………… about contact information, letters sent to Client by Contract’s relating Parties (if any);*

1. Tham dự cuộc phỏng vấn khi được Công ty hoặc……………… yêu cầu;

*Attend the interview when requested by Company or………………...;*

1. Đáp ứng đủ điều kiện sức khỏe, lý lịch an ninh theo yêu cầu………….. đưa ra tại bản Điều khoản Dịch vụ của …………….đính kèm;

*Meet the health conditions, security records as requested by ………… in ……………Terms of Service attached;*

1. Thanh toán Phí Dịch Vụ và các khoản phí khác theo quy định tại Điều 3 Phụ lục A đúng hạn;

*Pay Services Fee and the other fees as regulated in Article 3 of Appendix A on time;*

1. Bồi thường cho ……………đối với mọi mất mát, thiệt hại mà …………….có thể phải chịu do bất kỳ sự vi phạm nào đối với Hợp Đồng này bởi Khách Hàng.

*Compensate ……………for any loss, damage that …………may incur as a result of any breach of this Contract by Client.*

1. Hoàn tất các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp Đồng, Phụ lục Hợp Đồng.

*Complete the obligations stipulated in Contract, Appendix of Contract.*

**ĐIỀU 4. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG/ *ARTICLE 4. CONTRACT TERMINATION***

* 1. Các nghĩa vụ dưới đây là các điều kiện của Hợp Đồng. Việc vi phạm bất kỳ điều khoản nào sẽ được coi là vi phạm về mặt nguyên tắc và Hợp Đồng sẽ bị chấm dứt sau khi ………...gửi thông báo vi phạm thông qua email và Các Bên không đạt được thỏa thuận trong thời hạn ………ngày kể từ ngày gửi thông báo.

*The following obligations are conditions of Contract and any breach of them shall be deemed a fundamental breach and the Contract shall be terminated after …………sent a breach notice via email and the Parties is failure to reach an agreement after……… days from the date of notice delivery.*

* 1. Khách Hàng cung cấp chứng từ giả mạo/ *The falsifying of any documents by Client;*
	2. Khách Hàng chấm dứt quá trình nộp hồ sơ vì bất kỳ lý do nào/ *The termination of the application process by Client for whatsoever reason;*
	3. Khách Hàng không cung cấp được tất cả các tài liệu như yêu cầu của …………..đưa ra tại bản Điều khoản Dịch vụ của …………….đính kèm/ *The failure to submit all the documents as requirement of ……………in ……………Terms of Service attached;*
	4. Vi phạm điều khoản thanh toán/ *The failure to make any of the payments.*
	5. Trường hợp Hợp Đồng bị chấm dứt theo Khoản trên hoặc theo các điều khác nêu trong Hợp Đồng mà do vi phạm của Khách Hàng/ *In the event of Contract being determined pursuant to above clause or as otherwise stated in Contract caused by Client’s breach*

Mọi khoản phí Khách Hàng đã thanh toán theo Hợp Đồng này sẽ không được hoàn trả. Mọi khoản chậm trả và quá hạn khác theo Hợp Đồng (tính tới thời điểm chấm dứt) cũng sẽ được Khách Hàng thanh toán ngay lập tức cho……………..

*All fees paid by Client under this Contract shall be forfeited. All arrears of payment and all further sums which would, but for the determination of this Contract (calculated at the time of termination) be payable to …………shall immediately be paid by Client to……………….*

………………sẽ không thanh toán cho bất kỳ khoản nợ tồn đọng hay phát sinh nào theo Hợp Đồng/ *……………shall be discharged from any outstanding or further liabilities under this Contract.*

* 1. Trường hợp ……………không thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ trong Hợp đồng hoặc thời hạn thực hiện Hợp Đồng kéo dài quá……. ngày so với Lộ trình đưa ra xuất phát từ lỗi cố ý của ……….....(trừ trường hợp việc kéo dài thời hạn này đã được các Bên thỏa thuận đồng ý hoặc việc kéo dài xuất phát từ nguyên nhân của Khách Hàng hoặc sự chậm trễ từ Cơ quan chính phủ Úc mà ……………đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng không thể khắc phục miễn là ……………..đã thông báo cho Khách Hàng) thì Hợp đồng sẽ bị chấm dứt sau khi Khách Hàng gửi thông báo bằng văn bản thông qua email cho………….. ……………sẽ hoàn trả Phí Dịch Vụ đã thu từ Khách Hàng theo quy định tại Phụ lục A.

*In the event ……………fails to perform properly and fully obligations herein or the term of the Contract term extends more than ……… days compared to the Timeline stated because of the intentional fault of …………… (except where this extension has been agreed by the Parties or the extension is caused by the Client or the delay from Australian state agency and………… has taken necessary measures but cannot remedy as long as ……………has notified to the Client), the Contract shall be terminated after a written notice from Client sent via email to…………. …………shall reimburse Service Fee collected from Client as specified in Appendix A.*

**ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG/** ***ARTICLE 5. MISCELLANEOUS***

1. Hợp Đồng này có giá trị pháp lý đối với Đối tượng được thụ hưởng được quy định tại Phụ lục A Hợp Đồng.

*This Contract is legally valid to the beneficiaries regulated in Annex A of Contract.*

1. (các) Phụ lục Hợp Đồng có giá trị như Hợp Đồng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung trong Phụ lục và nội dung Hợp Đồng, nội dung Phụ lục vẫn sẽ có hiệu lực và được ưu tiên áp dụng so với Hợp Đồng.

*Contract Appendix(es) is valid as Contract. In case of inconsistency between the content of the Appendix and Contract, the content of the Appendix shall be effective and prevail.*

1. …………………và Khách Hàng có trách nhiệm giữ thông tin trong Hợp Đồng này tuyệt đối bí mật và riêng tư và không được tiết lộ khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia, ngoại trừ khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc việc cung cấp thông tin là để thực hiện Hợp Đồng này.

*…………………and Client are responsible for keeping the information in this Contract strictly confidential and privately and not to disclose without the written consent the other Party, except for requirement of the competent authority or the purpose of information provision is to implement this Contract.*

1. ……………..có thể chuyển giao các quyền hoặc nghĩa vụ của mình dưới đây mà không cần sự đồng ý trước bằng văn bản của Khách Hàng. Tuy nhiên, không có sự chuyển giao nào sẽ giảm bớt cho bên chuyển giao bất kỳ nghĩa vụ nào tại Hợp Đồng.

*………………may assign its rights or obligations hereunder without the prior written consent of Client. However, no assignment shall relieve assignor any of its obligations hereunder.*

1. Mối quan hệ của Các Bên là mối quan hệ dịch vụ. Không có nội dung nào trong Hợp Đồng này và không có hành động nào của một Bên sẽ được coi là cấu thành bất kỳ quan hệ đại diện hoặc quan hệ đối tác, liên doanh, liên kết nào giữa Các Bên.

*The relationship between the Parties is Services relationship. Nothing content in this Contract and no action by either Party shall be deemed to constitute any partnership, joint venture, association between the Parties.*

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày được nêu tại phần đầu Hợp Đồng cho đến khi Các Bên có thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng hoặc trường hợp khác theo thỏa thuận tại đây.

*This Contract is effective from the date stated at the beginning of Contract until the Parties agree to terminate Contract or the other cases as agreed herein.*

1. Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu nại nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết trước tiên bằng biện pháp thương lượng. Trường hợp không thể giải quyết thông qua thương lượng, một trong Các Bên có thể khởi kiện để giải quyết tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính ràng buộc Các Bên.

*This Contract shall be governed by the Vietnamese laws. Any disputes or claims arising out of or relating to this Contract shall be first settled by negotiation. In case of failure to settle through negotiation, a Party may initiate a lawsuit to resolve the dispute in the competent Court. The Court's decision is final and binding on the Parties.*

1. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này không hợp lệ, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi được, thì sự vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thực thi đó sẽ không ảnh hưởng đến bất kỳ điều khoản nào khác của Hợp Đồng này.

*If any term or provision of this Contract is invalid, illegal or unenforceable in any jurisdiction, such invalidity, illegality or unenforceability shall not affect any other terms of this Contract.*

1. Các Bên thỏa thuận mỗi bên không có nghĩa vụ nào khác ngoài các nghĩa vụ đã được nêu rõ trong Hợp Đồng này ngoại trừ có Phụ lục Hợp Đồng hoặc biên bản thỏa thuận kèm theo Hợp Đồng này.

*The parties agree that each party has no any other obligations other than those specified in this Contract, except for Appendix or the agreement attached to this Contract.*

1. Các Bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận được quy định tại Hợp Đồng này trên tinh thần hợp tác và tôn trọng lẫn nhau.

*The Parties undertake to strictly implement the provision stipulated in this Contract in the spirit of cooperation and mutual respect.*

1. Hợp Đồng này được lập thành……….. bản song ngữ, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ ………… bản để cùng thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

*This Contract is made into………… bilingual versions with equal value, each party keeps …………copy to implement. In case of inconsistency between the English version and the Vietnamese version, the Vietnamese version shall prevail.*

Các Bên đã đọc kỹ, hiểu toàn bộ nội dung Hợp Đồng, đồng ý với các điều khoản nêu trên và tự nguyện ký xác nhận dưới đây.

*The Parties have read carefully, understood entire of Contract contents, agreed with provisions above and sign freely to conform below.*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY……………………………….*****…………………………………….. COMPANY*** *(ký và đóng dấu)/(Sign and seal)* **…………………………………** | **KHÁCH HÀNG*****CLIENT****(ký)/(Sign)***\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |